

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HS-ST
Ngày: 06/9/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Văn Tám;

Nghề nghiệp: Phó phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tây Sơn.

Ông Bùi Đức Thuận;

Nghề nghiệp: Phó Chủ tịch HĐND thị trấn Phú Phong.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Khánh Phước** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Chi** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1- TRẦN MINH V (tên gọi khác: S), sinh năm 1991 tại huyện T, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Khối M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh K, sinh năm 1968 và bà Ngô Thị Bích V, sinh năm 1971; vợ: Phạm Thị Tuyết S, sinh năm 1993 và có 01 con, sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/7/2018 bị TAND huyện T xử phạt 36 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) tại Bản án số 22/2018/HS-ST. Bị cáo đang chấp hành án tại Nhà tạm giữ, tạm giam Công an huyện Tây Sơn, có mặt tại phiên tòa.

2- HUỖNH VĂN H (tên gọi khác: M), sinh năm 1997 tại huyện T, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Khối M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1967; vợ, con: chưa; tiền án: Không; tiền sự: Không;

nhân thân: Ngày 27/7/2018 bị TAND huyện T xử phạt 30 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) tại Bản án số 22/2018/HS-ST. Bị cáo đang chấp hành án tại Nhà tạm giữ, tạm giam Công an huyện Tây Sơn, có mặt tại phiên tòa.

3- TRẦN THANH T, sinh ngày 08/8/2001 tại huyện T, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Khối M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn E, sinh năm 1971 và bà Mai Thị C, sinh năm 1967; vợ, con: chưa; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/7/2018 bị TAND huyện T xử phạt 24 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tại Bản án số 22/2018/HS-ST. Bị cáo đang chấp hành án tại Nhà tạm giữ, tạm giam Công an huyện Tây Sơn, có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Thanh T: Ông Trần Văn E, sinh năm 1971 và bà Mai Thị C, sinh năm 1967 là cha, mẹ của bị cáo (Có mặt).

Trú tại: Khối M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh T: Ông Nguyễn Hữu V – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Định (Có mặt).

- **Người bị hại:** Ông Bùi P, sinh năm 1952 (Vắng mặt - có yêu cầu);
Trú tại: thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Ông Lê Văn C, sinh năm 1947 (Vắng mặt - có yêu cầu);
Trú tại: khối B, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định.

- **Người làm chứng:**
+ NLC1, sinh năm 1967 (Có mặt);
+ NLC2, sinh năm 1967 (Có mặt);
+ NLC3, sinh năm 1971 (Vắng mặt);
Đồng trú tại: khối M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/11/2017, Huỳnh Văn H rủ Trần Thanh T đến vườn mai nhà ông Bùi P ở thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định để nhổ trộm mai về trồng, T đồng ý. H và T trộm 05 chậu mai của ông P, sau đó cất giấu tại nhà của T 03 chậu mai (01 cây mai cao 0,5m, tán rộng 0,5m, chu vi gốc 0,1m, có 01 nhánh; 01 cây mai cao 0,4m, tán rộng 0,6m, chu vi gốc 0,1m, có 03 nhánh; 01 cây mai cao 0,6m, tán rộng 0,5m, chu vi gốc 0,12m, có 02 nhánh) và cất giấu tại nhà của H 02 chậu mai (01 cây mai cao 0,5m, tán rộng 0,4m, chu vi gốc 0,08m, có 01 nhánh; 01 cây mai

cây mai cao 0,5m, tán rộng 0,5m, chu vi gốc 0,08m, có 01 nhánh). Sau đó T cho Trần Minh V 01 cây mai cao 0,6m, tán rộng 0,5m, chu vi gốc 0,12m, 02 nhánh. Ngày 26/12/2017, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T kết luận 05 cây mai có giá trị 1.234.000đ.

Trần Minh V biết cây mai mà T cho là do trộm cắp nên vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 27/11/2017, V, T và H trên đường đi uống cà phê về, V nói với T và H “Hôm trước trộm mai ở đâu, giờ trộm thêm về chơi” thì cả hai đều đồng ý. H điều khiển xe mô tô biển số 77S5-3648 chở V, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Cub biển số 77-590B cùng đi đến vườn mai nhà ông P. Khi đến nơi, cả ba dựng xe mô tô ở vườn điều cách nhà ông P khoảng 150m rồi đi bộ đến góc tây bắc vườn mai nhà ông P nơi trước đây T và H đã đột nhập. H đứng canh giới, V và T dùng tay mở lưới B40 rồi cả ba lần lượt chui rào vào vườn mai. Thấy khu vực phía bắc vườn mai có nhiều chậu mai có giá trị nên cả ba cùng đến vị trí những chậu mai này. H nói V và T nhổ mai để H đưa mai ra ngoài. V và T đến vị trí cây mai cao 1,1m, tán rộng 1,4m, chu vi gốc 0,4m, có 06 nhánh, cả hai cùng dùng tay moi đất trong chậu, mỗi người một tay vịn thành chậu, một tay cầm gốc mai lắc qua lắc lại cho cây bật gốc và cùng khiêng cây mai để ra ngoài. Sau đó, H vác cây mai này ra vị trí xe mô tô. V và T tiếp tục đến vị trí chậu mai thứ hai có cây mai cao 1,5m, tán rộng 0,9m, chu vi gốc 0,3m, có 08 nhánh do H chọn và vị trí chậu mai thứ 3 có cây mai cao 1,3m, tán rộng 01m, chu vi gốc 0,15m, có 09 nhánh do T chọn. V và T lần lượt nhổ 02 cây mai trên ra khỏi chậu. V vác cây mai H chọn, T vác cây do T chọn và thoát ra ngoài theo lối cũ đến vị trí xe mô tô. Do xe mô tô của H hết xăng nên H điều khiển xe Honda Cub của T chở T ngồi sau giữ cây mai do V chọn về cất giấu sau nhà V. H về nhà lấy xăng rồi chở V quay lại đổ xăng vào xe H. Sau đó, T điều khiển xe của mình chở cây mai do T chọn, H điều khiển xe của V chở V ngồi sau giữ cây mai do T chọn về nhà cất giấu.

Ngày 26/12/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận 03 (ba) cây mai bị chiếm đoạt ngày 27/11/2017 có giá trị:

- 01 cây mai vàng cao 1,5m, tán rộng 0,9m, chu vi gốc 0,3m, có 08 nhánh, được trồng từ nhỏ có trị giá 2.333.000 đồng.
- 01 cây mai vàng cao 1,1m, tán rộng 1,4m, chu vi gốc 0,4m, có 06 nhánh, được trồng từ nhỏ có trị giá 8.833.000 đồng.
- 01 cây mai vàng cao 1,3m, tán rộng 01m, chu vi gốc 0,15m, có 09 nhánh, được trồng từ nhỏ có trị giá 2.667.000 đồng.

Vật chứng Cơ quan CSĐT Công an huyện Tây Sơn thu giữ gồm: 08 cây mai, đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Bùi P và ông Lê Văn C. Các ông P và C có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 19/CT – VKSTS ngày 28/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn đã truy tố các bị cáo Trần Minh V, Huỳnh Văn H và

Trần Thanh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt:

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Trần Minh V mức án tù 09 đến 12 tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009), tổng hợp hình phạt của bản án này với Bản án số 22/2018/HS-ST ngày 27/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định xử phạt bị cáo Trần Minh V 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”; thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 17/01/2018.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Huỳnh Văn H mức án tù 09 đến 12 tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009), tổng hợp hình phạt của bản án này với Bản án số 22/2018/HS-ST ngày 27/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định xử phạt bị cáo Huỳnh Văn H 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”; thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 17/01/2018.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Trần Thanh T mức án tù 06 đến 09 tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009), tổng hợp hình phạt của bản án này với Bản án số 22/2018/HS-ST ngày 27/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định xử phạt bị cáo Trần Thanh T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”; thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 17/01/2018.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là ông Bùi P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn C đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh T là ông Nguyễn Hữu V trình bày: Thông nhất hành vi của bị cáo Trần Thanh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” như bản cáo trạng cũng như lời luận tội Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa. Sau khi phạm tội: Bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; tài sản đã trả lại cho bị hại; là người chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức pháp luật còn hạn chế.

Với những tình tiết nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều

138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Trần Thanh T mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo có lời nói sau cùng là đã ăn năn hối hận về hành vi vi phạm pháp luật của mình và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tây Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 27/11/2017, các bị cáo Trần Minh V, Huỳnh Văn H và Trần Thanh T đã lén lút trộm cắp 03 cây mai vàng của ông Bùi P, có tổng giá trị là: 13.833.000 đồng (Trong đó 01 cây mai vàng cao 1,1m, tán rộng 1,4m, chu vi gốc 0,4m, có 06 nhánh, có trị giá 8.833.000 đồng là tài sản của ông Lê Văn C gửi ông P chăm sóc giùm). Do đó, Hội đồng xử án có đủ cơ sở kết luận: Cáo trạng số 19/CT – VKSTS ngày 28/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn truy tố các bị cáo Trần Minh V, Huỳnh Văn H và Trần Thanh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo có tư tưởng tham lam, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác làm tài sản của mình nên đã thực hiện hành vi phạm tội nêu trên. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân ở địa phương. Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm gián đơn. Trong đó:

4.1. Bị cáo V là người rủ rập, khởi xướng và trực tiếp cùng với các bị cáo H và T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nên xử phạt bị cáo V cao hơn các bị cáo H và T.

4.2. Các bị cáo H, T là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo T trên 16 tuổi nhưng dưới 18 tuổi nên xử phạt bị cáo T thấp hơn bị cáo H là phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

5.1. Các bị cáo H và T không có tình tiết tăng nặng.

5.2. Bị cáo V xúi giục bị cáo T, sinh ngày 08/8/2001, là người chưa thành niên thực hiện hành vi phạm tội nên có 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm n khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, chủ sở hữu tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009) nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo T khi phạm tội trên 16 tuổi nhưng dưới 18 tuổi nên áp dụng thêm Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009) đối với bị cáo T. Nhưng xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, cần phải có thời gian cải tạo cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[7] Tại Bản án số 22/2018/HSST ngày 27/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử phạt bị cáo Trần Minh V 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù, bị cáo Huỳnh Văn H 30 (*Ba mươi*) tháng tù, bị cáo Trần Thanh T 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009) để tổng hợp hình phạt của Bản án này với Bản án số 22/2018/HSST ngày 27/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đối với các bị cáo, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung. Thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày bị tạm giam ngày 17/01/2018.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là ông Bùi P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn C đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[9] Về án phí: Các bị cáo V, H và T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Minh V, Huỳnh Văn H, Trần Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm n khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009):

- Xử phạt bị cáo Trần Minh V 12 (Mười hai) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009), tổng hợp hình phạt 12 tháng tù của Bản án này với 36 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” tại Bản án số 22/2018/HS-ST ngày 27/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, buộc bị cáo Trần Minh V phải chấp hành hình phạt chung là 48 (*Bốn mươi tám*) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo Trần Minh V tính từ ngày bị tạm giam ngày 17/01/2018.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009):

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn H 09 (Chín) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009), tổng hợp hình phạt 09 tháng tù của Bản án này với 30 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” tại Bản án số 22/2018/HS-ST ngày 27/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, buộc bị cáo Huỳnh Văn H phải chấp hành hình phạt chung là 39 (*Ba mươi chín*) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo Huỳnh Văn H tính từ ngày bị tạm giam ngày 17/01/2018.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009):

- Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009), tổng hợp hình phạt 06 tháng tù của Bản án này với 24 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” tại Bản án số 22/2018/HS-ST ngày 27/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, buộc bị cáo Trần Thanh T phải chấp hành hình phạt chung là 30 (*Ba mươi*) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo Trần Thanh T tính từ ngày bị tạm giam ngày 17/01/2018.

4. Về trách nhiệm dân sự: Miễn xét.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Trần Minh V, Huỳnh Văn H, Trần Thanh T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Bùi P (Người bị hại) và ông Lê văn C (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Tây Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- Bị cáo;
- Đương sự vụ án;
- Bộ phận HSNVCS Công an huyện Tây Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thành Tân